

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở giáo dục năm học 2022-2023; Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 và công tác Thu - Chi tài chính năm học 2021-2022, 2022-2023 và các năm tiếp theo của trường THPT Sóc Sơn.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT SÓC SƠN

Căn cứ Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường THPT Sóc Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

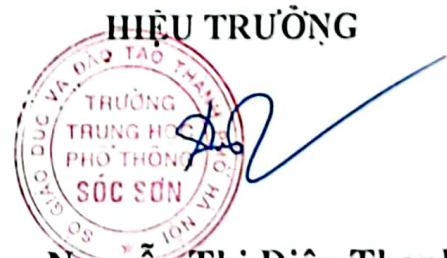
Điều 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở giáo dục năm học 2022-2023; Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 và công tác Thu - Chi tài chính năm học 2021-2022, 2022-2023 và các năm tiếp theo (Kèm theo biểu mẫu 09, biểu mẫu 10, biểu mẫu 11, biểu mẫu 12 và biểu thu chi tài chính)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Lãnh đạo trường THPT Sóc Sơn, Chủ tịch công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chuyên môn, bộ phận tài vụ, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội (để theo dõi);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Diệu Thanh

Biểu mẫu 09

Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Sóc Sơn

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS học hết lớp 12 đủ điều kiện thi theo quy định về đánh giá	- HS học hết lớp 11 đủ điều kiện lên lớp theo quy định về đánh giá	- Theo điều kiện quy định về tuyển sinh vào lớp 10 của Sở GD
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Đúng chương trình chuẩn	Đúng chương trình chuẩn	Đúng chương trình chuẩn
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Có sự phối hợp 3 lực lượng thường xuyên nghiêm túc	Có sự phối hợp 3 lực lượng thường xuyên nghiêm túc	Có sự phối hợp 3 lực lượng thường xuyên nghiêm túc
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đảm bảo phục vụ giảng dạy, học tập	Đảm bảo phục vụ dạy, học tập	Đảm bảo phục vụ dạy, học tập
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, Thực hiện Chuyên đề, ngoại khoá, h/d tập thể	Bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, Thực hiện Chuyên đề, ngoại khoá, h/d tập thể	Bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, Thực hiện Chuyên đề, ngoại khoá, h/d tập thể



STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Đạt chuẩn và trên chuẩn	Đạt chuẩn và trên chuẩn	Đạt chuẩn và trên chuẩn	
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt nghiệp 100%	Lên lớp đạt 99%	Lên lớp đạt 99%	
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Trên 70% tiếp tục học Cao đẳng, Đại học	100% hs tiếp tục học tại trường	100% hs tiếp tục học tại trường	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Diệu Thanh



Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Sóc Sơn

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp10	Lớp11	Lớp12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1816	540	639	637	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96,15	95,19	95,46	97,65	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3,69	4,81	4,07	2,35	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,17	0	0,47	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1816	540	639	637	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46,15	37,04	43,35	56,67	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49,72	57,41	51,33	41,6	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4,13	5,56	5,32	1,73	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1908	635	638	635	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46,04	37,04	43,04	56,67	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	49,78	57,41	51,49	41,6	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	11/1	10/1	1/1	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp10	Lớp11	Lớp12	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0,0016	0	0,001	0,003	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	16	0	0	16	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	637			637	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	738/107 8	224/3 16	264/ 375	250/ 387	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	7	0	4	3	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)


 TRƯỜNG
 TRUNG HỌC
 PHỔ THÔNG
 SÓC SƠN
 NGUYỄN-THỊ DIỆU THANH



Biểu mẫu 11

Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Sóc Sơn

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2022 - 2023

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m²/học sinh
II	Loại phòng học	28	-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học		-
8	Bình quân học sinh/lớp		-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	1600	16,6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7000	4,64
VI	Tổng diện tích các phòng	2819	1,86
1	Diện tích phòng học (m ²)	1320	0,87
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	360	0,238
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	80	0,05
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	0,09
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	799	0,53
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	400	0,27
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	113	8,69
2	Khối lớp 11	124	9,53
3	Khối lớp 12	199	14,21
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5			
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
-----------	--------------------------------------	---------------------	------------------------

1	Ti vi	19	0,52
2	Cát xét	9	0,26
3	Đầu Video/dầu đĩa	3	0,085
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	0,72
5	Thiết bị khác...	5	0,43
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị



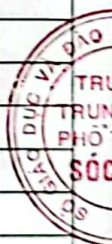
Nguyễn Thị Diệu Thanh

Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội
Trường THPT Sóc Sơn

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	85	81	4		20	58	2	2	3	
I	Giáo viên	73	73			16	57				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	73	73			16	57				
1	Toán	14	14			5	9				
2	Lý	7	7			1	6				
3	Hóa	7	7			2	5				
4	Văn	9	9			1	8				
5	Sử	5	5				5				
6	Địa	5	5			1	4				
7	Tin	3	3				3				
8	Ngoại ngữ	10	9			2	7				
9	Thể dục	4	4				4				
10	GDQP	2	2				2				
11	Sinh	2	2			2					
12	KTNN	1	1				1				
13	KTCN	2	2			2	0				
14	GDCD	1	1			0	1				
II	Cán bộ quản lý	3	3			2	1				
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	2	2			1	1				
III	Nhân viên	9	4	5			4	2	1	2	
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế	1	1				1				



STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	toán										
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên thư viện	1	1				1				
6	Nhân viên TB, TN	1	1				1				
7	Nhân viên tạp vụ	1		1				1			
8	Nhân viên bảo vệ	4		4			1	1		2	

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Diệu Thanh



CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2 - Năm học 2021 - 2022 trường THPT Sóc Sơn đã thực hiện công khai các nội dung cụ thể như sau:

1. Công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục thời điểm tháng 9 năm 2020.

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường).

2. Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2021 - 2022.

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường).

3. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 3, 9 tháng năm 2021.

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

4. Công khai dự toán giảm trừ ngân sách năm 2021

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

5. Công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2021

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

6. Công khai dự toán ngân sách năm 2022

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

7. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2021

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

8. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 1 năm 2022

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

9. Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2021 - 2022.

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

3- Công khai các khoản thu dự kiến năm học 2022 - 2023:

a- Thu theo quy định

*** Học phí:**

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm: thực hiện theo theo Nghị định 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021

*** BHYT:** Thực hiện thu theo văn bản quy định

b- Thu thỏa thuận

*** Tiền học thêm:** Thu 7000đ/hs/1tiết dạy (theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

*** Tiền nước uống:** Thu 12.000đ/hs (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

*** Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

*** Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

4- Dự kiến năm học 2023-2024, năm học 2024-2025;

a- Thu theo quy định

*** Học phí**

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm: thực hiện theo theo Nghị định 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021

*** BHYT:** Thực hiện thu theo văn bản quy định

b- Thu thỏa thuận

*** Tiền học thêm:** Thu 7 000đ/hs/1tiết dạy (Quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

*** Tiền nước uống:** Thu 12.000đ/hs (thu 9 tháng) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)



c- Thu khác

*** Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

*** Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần tự nguyện, cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

5 - Các khoản chi của năm học 2021 - 2022:

Chi lương: 10.902.373.000đ

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 1.395.622.000đ

Thu nhập hàng tháng của giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý:

+ Cán bộ quản lý: mức thu nhập bình quân: 13.300.000đ/tháng, mức cao nhất: 14.200.000đ/tháng, mức thấp nhất: 12.400.000đ/tháng.

+ Giáo viên và nhân viên: mức thu nhập bình quân: 7.600.000đ/tháng, mức cao nhất: 12.200.000đ/tháng, mức thấp nhất: 1.400.000đ/tháng.

Mức chi thường xuyên/1 học sinh: 8.300.000đ/hs/năm

Mua sắm, sửa chữa: 543.091.000đ.

6 - Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho học sinh đúng đối tượng chính sách cụ thể như sau:

- Học kỳ I năm học 2021 - 2022:

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: Thực hiện theo quyết định số: 182/QĐ-THPTSS ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập cho 03 học sinh thuộc hộ nghèo.

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Thực hiện quyết định số: 183/QĐ-THPTSS ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã miễn học phí cho 05 học sinh thuộc diện hộ nghèo, con của thương bệnh binh; Giảm 50% học phí cho 15 học sinh thuộc hộ cận nghèo, con của người bị TNLD, MSLĐ.

- Học kỳ II năm học 2021 - 2022:

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: Thực hiện theo quyết định số: 59/QĐ-THPTSS ngày 8 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập cho 01 học sinh mồ côi, 02 học sinh thuộc hộ nghèo.

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Thực hiện quyết định số: 58/QĐ-THPTSS ngày 8 tháng 4 năm 2022 của hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã miễn học phí cho 5 học sinh thuộc diện hộ nghèo, con thương bệnh binh; Giảm 50% học phí cho 12 học sinh thuộc hộ cận nghèo, con của người bị TNLĐ, MSLĐ.

7 - Kết quả kiểm toán (nếu có): Không

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Diệu Thanh